

Số: /PK-KHTH

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu Mua sắm vật tư, hoá chất xét nghiệm sinh hoá phục vụ công tác chuyên môn của Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh năm 2025-2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu Tư, Luật Đầu Tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Hiện tại, Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm vật tư, hoá chất xét nghiệm sinh hoá phục vụ công tác chuyên môn của Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh năm 2025-2026” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Đồng chí Lại Thị Thu Hà, Bộ phận hành chính tổng hợp, Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh. (SĐT: 0204.3855.562).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 11 – đường Xương Giang – phường Bắc Giang – Tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua email: pkdkgtvtbacgiang@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 19 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 29 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1.1 Danh mục vật tư, hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá Monarch 240: Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm.

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả đặc tính – Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
1	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GPT/ALT Thành phần thuốc thử: Đệm Tris pH7.8: 100 mmol/l, L-alanine: 500 mmol/l, LDH:1200 U/L, NADH:0,18 mmol/l,	6.750	ml	Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hoá Monarch-240
2	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GOT/AST Thành phần thuốc thử: Đệm Tris: ≥ 80 mmol/l, L-aspartate: 200 mmol/l, LDH: ≥ 800 U/L, MDH: ≥ 600 U/L, NADH: 0,18 mmol/l,	6.750	ml	
3	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần thuốc thử: Sodium Hydroxide: 0.32 mol/l, Picric acid: 35 mmol/l	3.900	ml	
4	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Glucose Thành phần thuốc thử: Đệm Phosphate, Phenol, 4-amino-antipyrine: 0.7 mmol/l,	6.240	ml	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả đặc tính – Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
		Glucose Oxidase: ≥ 15 U/ml, Peroxidase: ≥ 1 U/ml....			
5	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol Thành phần thuốc thử: 4-Aminoantipyrine: ≥ 0.3 mmol/l Phenol: ≥ 6.0 mmol/l, Peroxidase: ≥ 800 U/L, Cholesterol oxidase: ≥ 100 U/L, Cholesterol Esterase: ≥ 150 U/L	6.240	ml	
6	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides Thành phần thuốc thử: Đệm PIPES pH 7.8: 50 mmol/l , ATP: 0.3 mmol/l, Glycerol kinase: 800 U/l, Peroxidase: 440 U/l, 4-Aminoantipyrine: 0.7 mmol/l	6.000	ml	
7	Hóa chất xét nghiệm Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea Thành phần thuốc thử: Đệm Tris: ≤ 112 mmol/l, Urease, GLDH: ≤ 600 U/l, NADH: ≤ 1.44 mmol/l	3.375	ml	
8	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid Thành phần thuốc thử: 4-Aminoantipyrine: ≤ 1 mmol/l,	1.500	ml	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả đặc tính – Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
		Peroxidase: $\geq 300\text{U/L}$, Uricase: $\leq 500\text{U/L}$			
9	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người	25	ml	
10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy mức 1	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người	65	ml	
11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy mức 2	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người	65	ml	
12	Hoá chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c Thành phần thuốc thử: Thuốc thử (R1):Dung dịch đệm Latex Thuốc thử (R2):Kháng thể đơn dòng của chuột kháng HbA1c người	2.080	ml	
13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Hoá chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HBA1C. Thành phần từ máu người	10	ml	
14	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1C	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm HBA1C. Thành phần từ máu người	10	ml	
15	Hoá chất có tính kiềm rửa máy sinh	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	26.000	ml	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả đặc tính – Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
	hoá	Thành phần: Alkali $\leq 10.0\%$			
16	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng sinh hoá	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động Thành phần : Detergent $\leq 1.0\%$ Preservative $\leq 10.0\%$	1.000	ml	
17	Hoá chất có tính axit rửa máy sinh hoá	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	500	ml	
18	Bóng đèn Halogen cho máy sinh hóa	Bóng đèn loại Halogen, 12V/20W	01	Cái	
19	Cuvet dùng cho máy sinh hóa	Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học, có thể tái sử dụng nhiều lần.	01	Bộ	
	Tổng số: 19 khoản				

1.2 Danh mục hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá A25:

Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm.

ST T	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GPT/ALT Thành phần thuốc thử: Đệm Tris pH 7,8 ≥ 95 mmol/l, L-alanine ≥ 600 mmol/l, EDTA ≥ 5.8 mmol/l,	5.610	ml	

ST T	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		LDH ≥ 1.5 kU/L, NADH ≥ 1.4 mmol/l,... Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương			Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hoá Biosystems A25
2	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GOT/AST Thành phần thuốc thử: Đệm Tris pH 7,8 ≥ 99 mmol/l, L-aspartate: 250 mmol/l, EDTA ≥ 16 mmol/l, NADH: ≥ 1.5 mmol/l, LDH: ≥ 1.5 kU/l, MDH: ≥ 0.5 kU/l Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	5.610	ml	
3	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần thuốc thử: Sodium Hydroxide: 160 mmol/l, Picric acid: 20 mmol/l Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	3.570	ml	
4	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Glucose Thành phần thuốc thử: Đệm Phosphate, Phenol, 4-amino-antipyrine Glucose Oxidase: ≥ 20 kU/l, Peroxidase: ≥ 1.5 kU/l,... Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy	6.300	ml	
5	Hóa chất xét	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol Thành phần thuốc thử:	5.040	ml	

ST T	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	thí nghiệm Cholesterol	4-Aminoantipyrine: ≥ 0.29 mmol/l, Phenol: ≥ 5.3 mmol/l, Peroxidase: ≥ 1.0 kU/l, Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương			
6	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides Thành phần thuốc thử: Đệm PIPES pH 7,0 ≥ 40 mmol/l, ATP: 1.6 mmol/l, Glycerol kinase: ≥ 0.8 kU/l, Peroxidase: ≥ 0.8 kU/l, 4-Aminoantipyrine: ≥ 0.29 mmol/l Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	5.040	ml	
7	Hóa chất xét nghiệm Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea Thành phần thuốc thử: Đệm Tris pH 8,0: ≤ 49 mmol/l, Urease, Glutamate dehydrogenase (GLDH): ≤ 0.7 kU/l, NADH: ≤ 2.1 mmol/l Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu	4.080	ml	
8	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid Thành phần thuốc thử: 4-Aminoantipyrine, Peroxidase: ≥ 10 kU/l, Uricase: ≥ 1 kU/l Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu	2.040	ml	
9	Chất chuẩn cho các xét nghiệm	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người		ml	

ST T	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	sinh hoá thường quy		30		
10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy mức 1	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người	70	ml	
11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy mức 2	Dạng bột đông khô. Được làm từ huyết tương hoặc huyết thanh người	70	ml	
12	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	Dung dịch rửa dùng cho máy sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide....	75.000	ml	
13	Hoá chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c Thành phần thuốc thử: Thuốc thử (R1):Dung dịch đệm, Latex Thuốc thử (R2):Kháng thể đơn dòng HbA1c của chuột kháng người Thuốc thử (R3): Dung dịch ly giải	1.820	ml	
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Dạng bột đông khô, thành phần: máu người	8	ml	
15	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1C	Dạng bột đông khô, thành phần: máu người	17	ml	
	Tổng số: 15 khoản				

2. Địa điểm cung cấp lắp đặt:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải vận chuyển, cung cấp, bảo hành và bàn giao sử dụng tại Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh. Số 11 – đường Xương Giang – phường Bắc Giang – Tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối thiểu trong vòng 5 ngày, kể từ ngày nhận được dự trù (yêu cầu) của Phòng khám.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán nhiều đợt, trong vòng 90 ngày, kể từ ngày đầy đủ chứng từ.

5. Thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:
 - + Giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;
 - + Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);
- Nhà cung cấp có thể báo giá toàn bộ hoặc báo giá cho từng phần theo chủng loại thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng cung ứng của mình.
- Giá đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác có liên quan theo quy định của Nhà nước. Hàng hóa được bàn giao, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu tại Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

Phòng khám kính mời quý Công ty quan tâm cung cấp báo giá các mặt hàng mà công ty đang cung ứng.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

- Như trên;

- Lưu: VT, KHTH&TBVTTYT.

Hoàng Thu Nguyệt

Mẫu báo giá:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Phòng khám Đa khoa giao thông vận tải Bắc Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hoá, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục Vật tư, thiết bị y tế ⁽²⁾	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Danh mục A											
2	Danh mục B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ≥ 180 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản
xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))